

Bản án số: 363/2025/DS-ST

Ngày: 28-11-2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Công Mẫn;

2. Bà Đinh Thị Kim Phụng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 598/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị X trình bày:*

Bà với ông Q có mối quan hệ quen biết, ngày 15/4/2023 âm lịch bà có cho ông Q vay số tiền 10.000.000 đồng để xoay sở công việc gia đình, hẹn trả trong thời gian 03 tháng, lãi suất theo thỏa thuận 4%/tháng, ông Q đóng lãi không đều, đến tháng 4/2024 thì ngưng luôn cho đến nay. Hết thời gian vay tiền mà ông Q không trả tiền cho bà cả tiền lãi và tiền gốc.

Khi vay tiền ông Q có ghi 01 biên nhận, lúc đầu ông ghi ngày 15/4/2000, ý là

năm 2020 (khi bà và ông Q còn chơi hụi), bà có nói với ông Q năm nay là năm 2023 thì ghi năm 2023 vì đây tiền vay, không liên quan hụi nên ông Q ghi số “0” thành số “3”, ý là năm 2023. Lúc đó bà cũng không để ý đến nay bà mới thấy là năm 2003, bà và ông Q biết nhau vào năm 2016, trước đó không quen biết thì không thể nào cho vay năm 2003 được.

Nay bà yêu cầu ông Q trả bà số tiền 10.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Ông Nguyễn Văn Q là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ, không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà X xin vắng mặt. Bị đơn ông Q vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án: Bà X khởi kiện yêu cầu ông Q phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Rút yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn có cung cấp một biên nhận. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án; trong biên nhận thể hiện ông Q có vay của bà X số tiền 10.000.000 đồng vào ngày

15/4/2003, thời gian trả 03 tháng, không thể hiện lãi suất. Bà X cho rằng thời gian vay tiền vào năm 2023 nhưng do cách viết của ông Q nên viết thành 2003.

Bị đơn là ông Q đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng ông vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà X. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy ông Q đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu tính lãi: Mặc dù tại đơn khởi kiện bà X yêu cầu ông Q trả số tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 15/7/2023 đến khi xét xử, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà X rút yêu cầu tính lãi, xét thấy việc rút yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Về thời gian trả tiền: Xét thấy số tiền trên ông Q nợ đã lâu, khi vay có thỏa thuận thời gian trả tiền nhưng ông Q đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà X đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn cố tình vắng mặt gây thiệt thời quyền lợi cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà X là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X.

Buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị X số tiền là 10.000.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Trần Thị X.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Trần Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 355.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003319 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh DT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo

